

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng và Quy định quản lý theo đồ án  
Quy hoạch dọc sông Hồng kết nối đô thị Phố Lu với đô thị Bảo Hà - Tân An.**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015; Luật số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;*

*Căn cứ vào các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành;*

*Căn cứ Quyết định số 3599/QĐ-UBND ngày 10/12/2013 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng đô thị Bảo Hà - Tân An giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 1570/QĐ-UBND ngày 12/5/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng dọc sông Hồng kết nối đô thị Phố Lu với đô thị Bảo Hà - Tân An;*

*Căn cứ Thông báo số 904-TB/TU ngày 19/8/2021; Thông báo số 1423-TB/TU ngày 07/4/2022; Thông báo số 1474-TB/TU ngày 27/4/2022 của Tỉnh ủy thông báo ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phương án định hướng phát triển không gian quy hoạch trục động lực dọc sông Hồng đoạn qua địa phận tỉnh Lào Cai;*



Theo đề nghị đề nghị của Giám đốc sở Giao thông vận tải - Xây dựng tại Tờ trình số 25/TTr-SGTVTXD ngày 31/01/2023.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng và Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch dọc sông Hồng kết nối đô thị Phố Lu với đô thị Bảo Hà - Tân An, gồm các nội dung sau:

### 1. Vị trí, ranh giới và quy mô lập quy hoạch

#### a) Vị trí quy hoạch:

Quy hoạch chung xây dựng dọc sông Hồng kết nối đô thị Phố Lu với đô thị Bảo Hà - Tân An thuộc một phần địa giới hành chính các xã Trì Quang - huyện Bảo Thắng; xã Kim Sơn, xã Cam Cọn - huyện Bảo Yên; xã Tân An, xã Tân Thượng - huyện Văn Bàn và bám dọc hai bên sông Hồng đoạn từ đô thị Phố Lu đến hết địa phận tỉnh Lào Cai giáp với tỉnh Yên Bái.

#### b) Ranh giới quy hoạch:

- Phía Đông giáp các khu vực đồi cao, khu vực sản xuất nông, lâm nghiệp xã Kim Sơn, xã Trì Quang và xã Bảo Hà (Chiều dài bám dọc sông Hồng từ giáp thị trấn Phố Lu đến hết xã Bảo Hà khoảng 12 km).

- Phía Tây giáp đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai với chiều dài khoảng 27,5km (khoảng từ Km190,5 đến Km218).

- Phía Nam giáp khu dân cư, khu sản xuất xã Tân An - huyện Văn Bàn và huyện Văn Yên - tỉnh Yên Bái.

- Phía Bắc giáp suối Nhù và xã Sơn Hà, thị trấn Phố Lu.

#### c) Quy mô quy hoạch:

Tổng diện tích lập quy hoạch 3.650ha, trong đó: Diện tích thuộc xã Trì Quang là 178,0ha; thuộc xã Kim Sơn là 941,0ha; thuộc xã Cam Cọn là 1.582,0ha; thuộc xã Tân Thượng là 315,0ha và thuộc xã Tân An là 634,0ha.

### 2. Mục tiêu quy hoạch

- Cụ thể hoá nội dung Quy hoạch tỉnh Lào Cai, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Lào Cai nói chung và huyện Bảo Thắng, huyện Bảo Yên, huyện Văn Bàn nói riêng, làm căn cứ xây dựng và quản lý đô thị.

- Cụ thể hoá không gian trực động lực dọc sông Hồng, phát triển hệ thống các đô thị vệ tinh, trung tâm vùng sản xuất công nghiệp, lâm nghiệp và nông nghiệp dọc hai bên sông Hồng. Có vai trò quan trọng tạo động lực, nguồn lực, không gian mới cho sự phát triển của tỉnh Lào Cai.

- Hình thành các khu chức năng mới (các khu cảng hàng không, phụ trợ cảng hàng không, phụ trợ sản xuất, khu nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, dịch vụ, đô thị, du lịch sinh thái,...) với ranh giới phân khu chức năng rõ ràng tạo động lực và đáp



ứng nhu cầu phát triển gắn với các vùng sản xuất nông nghiệp đặc hữu của từng vùng, địa phương dọc hai bên sông Hồng.

- Tăng cường phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hệ thống hạ tầng xã hội đồng bộ, mở rộng kết nối các đô thị, giảm thiểu khoảng cách và thúc đẩy phát triển đồng đều toàn vùng, hướng tới phát triển tổng thể dọc sông Hồng bền vững trong tương lai trên cơ sở bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên và gắn với việc củng cố an ninh quốc phòng quốc gia.

- Nâng cấp, cải tạo khu vực dân cư hiện hữu, ngăn ngừa, giảm thiểu tối đa nguy cơ thiên tai về môi trường, bảo tồn và phát huy giá trị truyền thống, xây dựng tuyến cảnh quan dọc hai bên sông Hồng đồng bộ. Tạo dựng và tăng cường nguồn lực phát triển đô thị và nông thôn.

- Làm cơ sở pháp lý trong việc lập Quy hoạch chi tiết xây dựng các khu chức năng và công tác đầu tư xây dựng, đề xuất các chương trình ưu tiên đầu tư, các quy định kiểm soát mở rộng, phát triển đô thị, các điểm dân cư dọc hai bên sông Hồng đoạn từ đô thị Phố Lu đến đô thị Bảo Hà - Tân An.

### **3. Tính chất, chức năng**

Là các khu trung tâm đô thị vệ tinh, khu Cảng hàng không Sa Pa, khu du lịch, vui chơi giải trí, khu dân cư, khu sản xuất công nghiệp, lâm nghiệp, nông nghiệp và khu phụ trợ dọc hai bên bờ sông Hồng, đảm bảo tính liên kết chặt chẽ về phân khu chức năng, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, thuận tiện cho phát triển dọc sông Hồng đoạn từ đô thị Phố Lu đến đô thị Bảo Hà - Tân An. Là khu vực có vai trò là trục động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội dọc Sông Hồng cũng như của tỉnh Lào Cai.

### **4. Dự báo quy mô dân số và đất đai**

#### *a) Quy mô dân số:*

- Hiện trạng dân số 2021 là khoảng 11.550 người.

- Dự báo tổng dân số thường trú và dân số quy đổi từ lao động và khách du lịch đến năm 2026 khoảng 22.400 người (dân số thường trú khoảng 14.000 người).

- Dự báo tổng dân số thường trú và dân số quy đổi từ lao động và khách du lịch đến năm 2035 khoảng 41.300 người (dân số thường trú khoảng 20.000 người).

#### *b) Quy mô đất đai (đất xây dựng):*

- Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2026 đất xây dựng đô thị khoảng 933,9ha, trong đó: Đất dân dụng khoảng 125,06ha (đất đơn vị ở khoảng 89,65ha); đất ngoài dân dụng khoảng 808,84ha và đất khác khoảng 1.640,14ha.

- Giai đoạn dài hạn đến năm 2035 đất xây dựng đô thị khoảng 1.799,21ha, trong đó: Đất dân dụng khoảng: 308,15ha (đất đơn vị ở khoảng 191,22ha); đất ngoài dân dụng khoảng 1.491,06ha và đất khác khoảng 1.850,79ha.

### **5. Các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật chủ yếu**



STT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đồ án		Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật quy chuẩn (Đô thị loại V)
			Giai đoạn 2026	Giai đoạn 2035	
1	Đất dân dụng toàn khu	m <sup>2</sup> /người	90,6	99,0	70 -100
2	Đất đơn vị ở	m <sup>2</sup> /người	53,42	52,2	45-55
3	Đất trung tâm công cộng (văn hóa - TDTT, ...)	m <sup>2</sup> /người	16,7	17,8	
4	Đất dịch vụ - chợ	ha/CT	>1,0	>1,0	1,0
5	Đất cây xanh	m <sup>2</sup> /người	8,9	19,7	2
6	Đất bến xe, bãi đỗ xe	m <sup>2</sup> /người	2,8	3,9	2,5 (< 50.000 người)

(Do tính chất của khu vực lập quy hoạch cũng như đặc thù khu vực miền núi có nhiều khó khăn do địa hình phức tạp, phong phục tập quán của mỗi địa phương có sự khác biệt, do đó quỹ đất thuận lợi cho xây dựng chỉ chiếm khoảng 50% - 65%; các chỉ tiêu về dân số, chỉ tiêu kỹ thuật sẽ tiếp tục được rà soát, tính toán cụ thể trong giai đoạn lập quy hoạch chi tiết).

## 6. Phân khu chức năng, cơ cấu sử dụng đất và định hướng phát triển

Khai thác các đặc điểm địa hình, cảnh quan, giao thông và chức năng để hình thành ranh giới các phân khu chức năng đặc trưng tại mỗi khu vực, bao gồm 03 khu vực như sau:

### a) Khu Cảng hàng không Sa Pa và phụ trợ:

- Thuộc khu vực từ suối Ngòi Nhù đến khu tái định cư cảng hàng không và khu Cảng hàng không Sa Pa bên phía bờ Hữu; thuộc thôn Cầu Nhò - xã Trì Quang và thôn Bảo Ân - xã Kim Sơn phía bờ Tả;

- Quy mô diện tích khoảng 1.600ha; Quy mô dân số dự kiến 6.000 người.

- Tính chất: Là khu Cảng hàng không Sa Pa và phụ trợ cảng hàng không, có các chức năng vận tải, thương mại, dịch vụ phụ trợ, đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động Cảng hàng không Sa Pa.

- Định hướng phát triển: Xây dựng Cảng hàng không Sa Pa đạt tiêu chuẩn cảng hàng không cấp 4C, giai đoạn 1 công suất 1,5 triệu hành khách/năm và giai đoạn 2 đạt 3 triệu lượt hành khách/năm. Phát triển các chức năng về đô thị, dịch vụ thương mại, nhà hàng, khu văn hóa ẩm thực, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, lưu trú, kho bãi, logistics, chế xuất đóng gói, trung chuyển hàng hóa và các dịch vụ hỗ trợ sân bay khác. Xây dựng cảng cạn ICD Cam Cọn kết nối các khu công nghiệp, khu phụ trợ và cảng hàng không, phát triển hành lang vận tải Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng. Cải tạo chỉnh trang, mở rộng các khu dân cư với hệ thống hạ tầng xã hội và hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ.

### b) Khu đô thị hỗn hợp:



- Thuộc khu vực từ khu tái định cư cảng hàng không tại xã Cam Cạn đến khu vực giáp với xã Tân Thượng, huyện Văn Bàn bên phía bờ Hữu và khu vực thôn Tân Văn, thôn Kim Quang, xã Kim Sơn bên phía bờ Tả.

- Quy mô diện tích khoảng 1.122ha; Quy mô dân số dự kiến 16.800 người.

- Tính chất: Là khu vực tập trung phát triển các khu đô thị, khu tái định cư, khu du lịch, nghỉ dưỡng sinh thái, dịch vụ,... phục vụ cho Cảnh hành không Sa Pa.

- Định hướng phát triển: Khai thác các khu vực có cảnh quan, tầm nhìn đẹp, hạ tầng kết nối thuận lợi hai bên bờ sông Hồng xây dựng các khu đô thị, khu vui chơi giải trí, khu du lịch, nghỉ dưỡng sinh thái, dịch vụ, phục vụ cảnh hành không.... Hình thành nên tuyến du lịch nghỉ dưỡng, du lịch tâm linh từ khu vực Bảo Hà đến thành phố Lào Cai và định hướng đến khu vực Lũng Pô, nơi con sông Hồng chảy vào đất Việt.

### c) Khu đô thị Tân An:

- Thuộc khu vực thuộc trung tâm xã Tân Thượng, trung tâm xã Tân An, khu vực thôn Mai Hồng, Xuân Sang - xã Tân An phía bờ Hữu.

- Quy mô diện tích khoảng 928ha; Quy mô dân số dự kiến 18.500 người.

- Tính chất: Là các khu trung tâm hiện hữu được chỉnh trang, mở rộng, xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ, tập trung phát triển các khu đô thị, khu ở mật độ cao, du lịch, dịch vụ... gắn kết với đô thị Bảo Hà.

- Định hướng phát triển: Xây dựng trung tâm đô thị Tân An với các khu vực phát triển mở rộng và khu chỉnh trang nâng cấp có hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ. Khai thác những lợi thế địa phương để phát triển du lịch tâm linh và dịch vụ thương mại.

## 7. Định hướng quy hoạch sử dụng đất

a) Đất dân dụng: Có diện tích 308,15ha, bao gồm:

- Đất đơn vị ở: Diện tích 191,22 ha; chiếm 5,24% tổng diện tích quy hoạch; là quỹ đất dành cho nhu cầu đất ở của người dân, bao gồm: Nhóm nhà ở hiện trạng, nhà ở mới, công trình dịch vụ khu ở, nhà văn hóa khu dân cư, điểm sinh hoạt cộng đồng, trường mầm non, cây xanh công cộng, sân thể thao, đất nông lâm nghiệp và đường giao thông khu vực...

- Đất trung tâm công cộng: Diện tích 55,43ha; chiếm 1,52% tổng diện tích quy hoạch; là quỹ đất các công trình công cộng đô thị, văn hóa, giáo dục, chợ, dịch vụ thương mại, đất ở...

- Đất cây xanh đô thị: Diện tích 61,50ha; chiếm 1,68% tổng diện tích quy hoạch; là quỹ đất các khu cây xanh, công viên trong đô thị.

b) Đất ngoài dân dụng: Có diện tích 1491,06ha, bao gồm:

- Đất hành chính, cơ quan: Diện tích 2,48ha; chiếm 0,07% tổng diện tích quy hoạch; là quỹ đất trung tâm hành chính và các cơ quan, trụ sở.

- Đất trung tâm y tế: Diện tích 1,7ha; chiếm 0,05% tổng diện tích quy hoạch;



là quỹ đất phòng khám đa khoa, trạm y tế của khu vực.

- Đất trung tâm thể dục thể thao: Diện tích 4,15ha; chiếm 0,11% diện tích quy hoạch; là quỹ đất sân thể thao cơ bản, sân vận động, trung tâm thể thao, công viên cây xanh.

- Đất cảng hàng không: Diện tích 381,6ha; chiếm 10,45% tổng diện tích quy hoạch; là quỹ đất xây dựng các hạng mục cảng hàng không Sa Pa, quỹ đất dự trữ phát triển, mở rộng sân bay.

- Đất phụ trợ cảng hàng không: Diện tích 198,33ha; chiếm 5,43% tổng diện tích quy hoạch; là quỹ đất các khu phụ trợ của cảng hàng không Sa Pa, có các chức năng về ở, dịch vụ thương mại, khu lưu trú, du lịch, kho bãi, logistics, công nghiệp, chế xuất đóng gói, trung chuyển hàng hóa và các dịch vụ hỗ trợ sân bay khác.

- Đất nhà ga đường sắt: Diện tích 1,14ha; chiếm 0,03% tổng diện tích quy hoạch; là quỹ đất khu vực nhà ga đường sắt Hà Nội - Lào Cai hiện trạng chính trang, nâng cấp.

- Đất du lịch: Diện tích 203,22ha; chiếm 5,57% tổng diện tích quy hoạch; là quỹ đất các khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng gắn với văn hóa, cảnh quan tự nhiên khu vực.

- Đất di tích: Diện tích 6,33 ha; chiếm 0,17% tổng diện tích quy hoạch; là quỹ đất khu đền thờ (đền Cô Tân An, đền Hai Cô xã Kim Sơn).

- Đất hỗn hợp: Diện tích 254,46ha; chiếm 6,97% tổng diện tích quy hoạch; là quỹ đất sử dụng có nhiều chức năng (ở, công cộng, dịch vụ thương mại, vui chơi giải trí, công viên cây xanh, khu sản xuất, phụ trợ công nghiệp... Trong đó, chức năng ở không quá 30% đất ở trên đất sử dụng hỗn hợp; khi hình thành đơn vị ở trong khu đất hỗn hợp thì phải cung cấp đủ đất hạ tầng xã hội và kỹ thuật theo quy định).

- Đất thương mại - dịch vụ: Diện tích 17,45ha; chiếm 0,48% tổng diện tích quy hoạch; là quỹ đất các công trình dịch vụ, trung tâm thương mại, nhà hàng, khách sạn, kinh doanh...

- Đất cụm công nghiệp: Diện tích 17,5ha; chiếm 0,48% tổng diện tích quy hoạch, là quỹ đất các xưởng chế biến tinh dầu, chế biến nông lâm sản, thủ công, cơ sở sản xuất kinh doanh...

- Đất công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật: Diện tích 42,17ha; chiếm 1,16% tổng diện tích quy hoạch; là quỹ đất các bãi đỗ xe, bến xe, bến thuyền, thủy điện, âu thuyền, trạm cấp nước sạch, trạm xử lý nước thải, tập kết rác thải...

- Đất giao thông, hạ tầng kỹ thuật khác: Diện tích 359,84ha; chiếm 9,86% tổng diện tích, là quỹ đất đường giao thông, vỉa hè, lề đường, kè, cầu, ta luy...

c) *Đất khác*: Có tổng diện tích 1.850,79ha, bao gồm:

- Đất ở làng xóm: Diện tích 122,34ha; chiếm 3,35% tổng diện tích quy hoạch;



là quỹ đất các khu nhà ở nông thôn, làng xóm hiện trạng và các khu định hướng phát triển các điểm dân cư nông thôn.

- Đất dự trữ phát triển: Diện tích 149,16ha; chiếm 4,09% tổng diện tích quy hoạch; là quỹ đất dự trữ sử dụng cho nhu cầu phát triển trong tương lai.

- Đất cây xanh cách ly: Diện tích 220,56ha; chiếm 6,04% tổng diện tích quy hoạch; là quỹ đất khu vực cây xanh cách ly với hành lang an toàn đường cao tốc, đường sắt và các khu vực bờ sông, hồ, khe suối.

- Đất nông nghiệp: Diện tích 29,32ha; chiếm 0,8% tổng diện tích quy hoạch.

- Đất lâm nghiệp: Diện tích 706,62ha; chiếm 19,36% tổng diện tích.

- Mặt nước: Diện tích 622,79ha; chiếm 17,06% tổng diện tích quy hoạch.

d) Bảng cân bằng sử dụng đất theo giai đoạn phát triển:

STT	Hạng mục	Quy hoạch ngắn hạn đến năm 2026		Quy hoạch đến năm 2035	
		Diện tích (Ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích	Tỷ lệ (%)
	<b>Dân số (người)</b>	<b>22.400</b>		<b>41.300</b>	
<b>I</b>	<b>Tổng diện tích quy hoạch</b>	<b>3.650,00</b>			
<b>II</b>	<b>Đất xây dựng đô thị</b>	<b>933,90</b>	<b>25,59</b>	<b>1.799,21</b>	<b>49,29</b>
1	Đất dân dụng	125,06	3,43	308,15	8,44
1.1	Đất đơn vị ở	89,65	2,46	191,22	5,24
1.2	Đất trung tâm công cộng	23,10	0,63	55,43	1,52
-	Chợ	2,95	2,95	2,95	0,08
-	Đất công cộng (nhà văn hóa, CLB, thư viện...)	11,70	0,32	39,21	1,07
-	Đất trường giáo dục	8,45	0,23	13,27	0,36
1.3	Đất cây xanh đô thị	12,31	0,34	61,50	1,68
2	Đất ngoài dân dụng	808,84	22,16	1.491,06	40,85
2.1	Đất hành chính, trụ sở, cơ quan	2,48	0,07	2,48	0,07
2.2	Đất trung tâm TĐTT	3,42	0,09	4,15	0,11
2.3	Đất trung tâm y tế	4,15	0,11	1,70	0,05
2.4	Đất cảng hàng không	317,00	8,68	381,60	10,45
2.5	Đất phụ trợ cảng hàng không	73,14	2,00	198,33	5,43
2.6	Đất nhà ga đường sắt	1,14	0,03	1,14	0,03
2.7	Đất du lịch	122,28	3,35	203,22	5,57
2.8	Đất di tích	6,33	0,17	6,33	0,17
2.9	Đất hỗn hợp (TM, DV, CC, ĐO)	103,00	2,82	254,46	6,97
2.10	Đất thương mại dịch vụ	2,81	0,08	17,45	0,48
2.11	Đất cụm công nghiệp	17,50	0,48	17,50	0,48
2.12	Đất công trình đầu mối HTKT	16,80	0,46	42,17	1,16
2.13	Đất giao thông + HTKT khác	138,8	3,8	359,84	9,86
<b>III</b>	<b>Đất khác</b>	<b>1.640,14</b>	<b>44,94</b>	<b>1.850,79</b>	<b>50,71</b>



1	Đất ở làng xóm	89,82	2,46	122,34	3,35
2	Đất dự trữ phát triển	149,16	4,09	149,16	4,09
3	Đất nông nghiệp	29,32	0,80	29,32	0,80
4	Đất lâm nghiệp	706,62	19,36	706,62	19,36
5	Đất cây xanh cách ly	197,84	5,42	220,56	6,04
6	Mặt nước	616,54	16,89	622,79	17,06

## 8. Định hướng tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan

### a) Về không gian:

- Không gian tổng thể khu vực gồm sông Hồng và các dãy đồi cao xen kẽ hai bên bờ sông Hồng, tạo thành địa hình dạng lòng chảo hướng tầm nhìn về phía sông Hồng, trải dài xuyên suốt khu vực từ phía Tây Bắc về phía Đông Nam. Dọc hai bên có các tuyến đường dọc sông nhằm khai thác quỹ đất cũng như các hướng nhìn đẹp, tạo không gian thông thoáng với tầm nhìn rộng, hướng mở về phía sông Hồng kết hợp không gian xanh tạo nên hình ảnh một không gian đô thị và nông thôn sinh động, hài hòa với thiên nhiên.

- Sông Hồng cũng đóng vai trò là trung tâm của không gian khu vực. Giữa không gian phát triển mở rộng mới và khu vực phát triển hiện hữu sẽ được khớp nối, bổ sung hài hòa về các mặt chức năng, kiến trúc và hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật.

- Không gian phân khu cảng hàng không và phụ trợ với điểm nhấn trung tâm là nhà ga hành khách Cảng hàng không Sa Pa, đây là công trình lớn được đầu tư xây dựng hiện đại và đồng bộ. Phân khu được định hướng phát triển theo mô hình phát triển lấy cảng hàng không làm trung tâm, các khu đô thị, thương mại, dịch vụ... và các khu chức năng đô thị khác được bố trí xung quanh.

- Không gian phân khu Đô thị hỗn hợp là các khu ở mật độ cao tập trung chủ yếu ở phía ven sông kết hợp với các khu ở nông thôn mật độ thấp xen kẽ trong khu vực. Các khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng xây dựng trên các dải đồi cao, tận dụng được địa hình và hướng tầm nhìn về phía sông Hồng, tổ chức không gian, cảnh quan gắn liền với cảnh quan sinh thái và sản xuất nông, lâm nghiệp của người dân. Xây dựng các khu dịch vụ, khu chức năng, khu vui chơi giải trí, khu sản xuất, ở... tại các khu vực tương đối bằng phẳng ven sông, kết hợp tổ chức các khu cây xanh cảnh quan, công viên dọc bờ sông tạo điểm nhấn.

- Không gian phân khu đô thị Tân An gồm khu vực trung tâm hiện hữu và các khu vực định hướng mở rộng, phát triển mới. Định hướng lõi trung tâm mới là trục các công trình công cộng trải dài từ phía sườn đồi về phía sông Hồng, tạo không gian điểm nhấn cũng như thuận tiện trong kết nối, tổ hợp công trình. Bao quanh các trục cảnh quan là các khu ở đô thị mật độ cao, tầng cao xây dựng ở mức vừa và thấp, xen kẽ là các công trình có chiều cao lớn tạo sự chuyển tiếp. Khu vực thôn Xuân Sang, Mai Hồng định hướng tổ chức không gian khu ở nông thôn mật độ thấp, kết hợp các khu cây xanh, khu sản xuất nông lâm nghiệp, tạo vùng đệm



xanh cho khu vực trung tâm đô thị.

*b) Về kiến trúc:*

- Các khu trung tâm đô thị được định hướng xây dựng hiện đại gắn kết với văn hóa địa phương và phù hợp địa hình, địa chất khu vực, được tổ chức với nhịp điệu thống nhất.

- Các khu vực có công trình xây dựng quy mô lớn như Cảng hàng không, các khu phụ trợ cảng hàng không, logistics sử dụng các kết cấu nhà khung thép, hình thái kiến trúc mang tính đặc trưng. Xây dựng nhà ga hành khách Cảng hàng không Sa Pa thành công trình biểu tượng, điểm nhấn của khu vực

- Các khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng xây dựng theo địa hình, hình thái kiến trúc mang nét đặc trưng của địa phương, hài hòa với cảnh quan tự nhiên.

- Các khu dân cư mật độ thấp với việc phát huy cấu trúc truyền thống, khuyến khích sử dụng sử dụng vật liệu địa phương và khai thác từ thiên nhiên. Tuy nhiên, cần có sự kết hợp linh hoạt với các tiêu chuẩn hiện đại để đảm bảo chất lượng cuộc sống của người dân.

*c) Về cảnh quan:*

- Trục cảnh quan chính của khu vực là trục cảnh quan cây xanh mặt nước dọc sông Hồng xuyên suốt khu quy hoạch. Kết hợp với trục cảnh quan các tuyến đường dọc sông, tuyến giao thông chính khu vực.

- Tổ chức cảnh quan kiến trúc ven sông là sự sắp xếp, bố trí các thành phần yếu tố thiên nhiên (Địa hình, mặt nước, bầu trời, cây xanh, hoa cỏ, con người,...) và các thành phần yếu tố nhân tạo. Trục cảnh quan sông Hồng chính là không gian chuyển tiếp sinh động giữa không gian xây dựng và không gian tự nhiên, được hình thành bởi hệ thống cây xanh sinh thái, cây xanh cách ly và hệ thống đường dạo.

- Phát triển cảnh quan các đơn vị ở, khu công cộng, khu dịch vụ thương mại,... hướng tới tiêu chí của đô thị xanh, đảm bảo sự thống nhất, hài hòa, hợp lý trong quy hoạch xây dựng hiện đại nhưng vẫn bảo tồn, phát huy những giá trị truyền thống bản địa, tận dụng tối đa ưu điểm của điều kiện tự nhiên.

## **9. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật**

*a) Quy hoạch giao thông:*

a1. Giao thông đối ngoại:

- Đường hàng không: Xây dựng Cảng hàng không Sa Pa đạt tiêu chuẩn cảng hàng không cấp 4C, tạo bước đột phá về hạ tầng giao thông đối với tỉnh Lào Cai và Vùng trung du, miền núi phía Bắc.

- Đường sắt:

+ Tuyến đường sắt Hà Nội - Lào Cai hiện hữu khổ tiêu chuẩn chạy qua khu vực quy hoạch có chiều dài 12,6km. Quy hoạch các công trình xây dựng hai bên tuân thủ hành lang an toàn đường sắt, các vị trí giao cắt đường bộ với đường sắt nên bố trí cầu vượt, khi giao bằng phải bố trí barie, rào chắn đảm bảo theo quy định.



+ Quy hoạch hướng tuyến đường sắt cao tốc khổ 1.435mm, kết nối Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng và định hướng kết nối với đường sắt Hà Khẩu (Trung Quốc); đoạn qua khu vực quy hoạch có chiều dài 6,379km (6.379m).

- Đường bộ:

+ Đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai: Kết nối khu vực với các địa phương dọc cao tốc CT.05: Hà Nội, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Yên Bái và Lào Cai. Đoạn qua khu vực quy hoạch có chiều dài khoảng 5,7km; định hướng quy hoạch dài hạn mở rộng với quy mô quy mô 6 làn xe.

+ Quốc lộ 279: Kết nối khu vực với xã Bảo Hà - huyện Bảo Yên, thị trấn Khánh Yên - huyện Văn Bàn. Đoạn qua khu vực quy hoạch có chiều dài khoảng 3,1km; quy mô mặt cắt ngang:  $B_{\text{mặt}} = 2 \times 8,0\text{m}$ ,  $B_{\text{dải phân cách}} = 2,0\text{m}$ ,  $B_{\text{via hè (lề)}} = 2 \times 7,0\text{m}$ ,  $B_{\text{lộ giới}} = 32,0\text{m}$ .

+ Tỉnh lộ 161 (kết nối ga Phố Mới - ga Bảo Hà): Kết nối khu vực với thành phố Lào Cai, huyện Bảo Thắng, huyện Bảo Yên phía bờ Tả sông Hồng. Đoạn qua khu vực quy hoạch có chiều dài khoảng 14,1km; quy mô mặt cắt ngang:  $B_{\text{mặt}} = 7,5\text{m}-10,5\text{m}$ ,  $B_{\text{via hè (lề)}} = 2 \times (3,0-5,0)\text{m}$ ,  $B_{\text{lộ giới}} = 13,5\text{m}-20,5\text{m}$ .

+ Đường dọc sông Hồng: Là tuyến đường dọc theo hai bên bờ sông Hồng từ khu vực Lũng Pô, A Mú Sung đến hết địa phận tỉnh Lào Cai, kết nối các khu chức năng dọc sông Hồng và các khu vực lân cận. Đoạn qua khu vực quy hoạch có chiều dài khoảng 41,5km; quy mô mặt cắt ngang:  $B_{\text{mặt}} = 7,5\text{m}-15,0\text{m}$  (một số đoạn có dải phân cách 2-3m);  $B_{\text{via hè}} = 2 \times (3,0-7,0)\text{m}$ ;  $B_{\text{lộ giới}} = 13,5\text{m}-32,0\text{m}$ .

- Đường thủy: Quy hoạch tuyến đường thủy nội địa trên sông Hồng đoạn từ Yên Bái đến ngã ba Nậm Thi (TP. Lào Cai); kết hợp với quy hoạch hệ thống cảng cạn ICD, bến thuyền, âu thuyền nâng hạ, tạo nên tuyến đường giao thông đường thủy thông suốt.

a2. Giao thông liên khu vực, khu vực:

- Thiết kế mới các tuyến đường liên khu vực kết nối các khu chức năng, quy mô mặt cắt ngang:  $B_{\text{mặt}} = 7,5\text{m}-10,50\text{m}$ ,  $B_{\text{via hè (lề)}} = 2 \times (3,0-7,0)\text{m}$ ,  $B_{\text{lộ giới}} = 13,5\text{m}-24,5\text{m}$ .

- Các tuyến đường trục chính khu vực, quy mô mặt cắt ngang:  $B_{\text{mặt}} = 2 \times (7,50-10,5)\text{m}$ ,  $B_{\text{dải phân cách}} = 2,0\text{m}-7,0\text{m}$ ,  $B_{\text{via hè (lề)}} = 2 \times (5,0-7,0)\text{m}$ ,  $B_{\text{lộ giới}} = 27,0\text{m}-37,0\text{m}$ .

- Các tuyến đường khu vực kết nối các khu dân dụng, ngoài dân dụng, quy mô mặt cắt ngang:  $B_{\text{mặt}} = 7,50-15\text{m}$ ,  $B_{\text{via hè (lề)}} = 2 \times (3,0-5,0)\text{m}$ ,  $B_{\text{lộ giới}} = 13,5\text{m}-25,0\text{m}$ .

- Các tuyến đường nội bộ nhằm phục vụ giao thông trong phạm vi đơn vị ở; quy mô mặt cắt ngang:  $B_{\text{mặt}} = 5,0\text{m}-7,5\text{m}$ ,  $B_{\text{via hè (lề)}} = 2 \times (3,0-5,0)\text{m}$ ,  $B_{\text{lộ giới}} = 11,0\text{m}-17,5\text{m}$ .

- Nâng cấp, mở mới các tuyến đường phục vụ giao thông trong khu vực ở làng xóm, khu sản xuất nông lâm nghiệp, khu du lịch; quy mô mặt cắt ngang:  $B_{\text{mặt}} = 5\text{m}-6,0\text{m}$ ,  $B_{\text{via hè (lề)}} = 2 \times (2,0-3,0)\text{m}$ ,  $B_{\text{lộ giới}} = 9,0\text{m}-12,0\text{m}$ .



*b) Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:*

**b1. Định hướng san nền:**

- Dự án thủy điện Bảo Hà trên sông Hồng có cao trình mặt nước lũ Sông Hồng (tần suất 1%) là +69,32m. Để bảo đảm không bị ngập lụt cốt thiết kế mặt bằng dọc hai bên bờ sông Hồng, cao độ thiết kế từ khu vực từ suối Ngòi Nhù đến vị trí nghiên cứu xây dựng đập thủy điện >69,32m. Từ khu vực đập thủy điện đến hết ranh giới quy hoạch, đoạn giáp với địa phận Yên Bái, cao độ thiết kế >60m.

- Chỉ nên khai thác tại những khu vực đồi núi có độ dốc địa hình <25% và xây dựng theo thêm địa hình, giữa các thêm địa hình xây dựng cần phải có hệ thống kè taluy gia cố. Thực hiện đồng bộ để tận dụng tối đa khả năng cân đối đào đắp giữa các hạng mục và giữa các khu vực.

- Đối với các khu vực xây dựng hạn chế san gạt, chỉ san gạt phần xây dựng công trình để đảm bảo hài hòa với địa hình tự nhiên.

**b2. Định hướng thoát nước:**

- Lưu vực thoát nước: Khu vực lập quy hoạch gồm 2 lưu vực chính, gồm:

+ Lưu vực thoát nước phía bờ tả sông Hồng: Nước mặt được thu gom bằng hệ thống cống thu dọc các tuyến đường thoát vào các khe thoát nước từ các triền đồi chảy men theo địa hình và thoát ra sông Hồng.

+ Lưu vực thoát nước phía bờ hữu sông Hồng: Nước mặt được thu gom bằng hệ thống cống thu dọc các tuyến đường thoát về hướng suối Ngòi Nhù và các dòng suối nhỏ khác và thoát sông Hồng.

- Hệ thống cống thu gom: Thiết kế xây dựng hệ thống cống thoát nước thu gom toàn bộ nước mặt chạy dọc theo các trục đường giao thông đảm bảo nhu cầu thu gom nước mặt cho khu vực. Sử dụng hệ thống cống hộp có nắp đan, hệ thống cống tròn, hệ thống hố ga,... thu gom trước khi xả ra các lưu vực thoát nước bằng hệ thống các cửa xả chính.

**b3. Định hướng xây dựng hệ thống kè:**

- Quy hoạch xây dựng hệ thống kè kiên cố bảo vệ, tạo cảnh quan dọc hai bên sông Hồng đoạn qua khu vực quy hoạch và hệ thống kè dọc suối trong khu quy hoạch để đảm bảo quỹ đất xây dựng và chống ngập úng cho khu vực.

- Quy hoạch xây dựng hệ thống các tuyến kè chân taluy đường và mặt bằng tại vị trí có sự chênh cốt lớn để bảo vệ mái taluy, mặt bằng.

*c) Quy hoạch cấp nước:*

- Nhu cầu cấp nước:

+ Nhu cầu cấp nước ngắn hạn là: 5.000m<sup>3</sup>/ngđ.

+ Nhu cầu cấp nước dài hạn là: 9.000m<sup>3</sup>/ngđ.

- Nguồn nước: Hiện tại khu vực Tân An đã được sử dụng nước sạch với nguồn nước mặt lấy từ sông Hồng. Qua quá trình khảo sát nguồn nước từ sông Hồng, suối Ngòi Nhù có chất lượng và lưu lượng nước đảm bảo xây dựng, mở



rộng và nâng công suất nhà máy nước Bảo Hà và trạm cấp nước xây dựng mới gần khu Cảng hàng không.

- Vị trí trạm xử lý và công suất trạm xử lý nước cấp:

+ Nhà máy cấp nước số 1 Bảo Hà (hiện đã có) công suất 3.100 m<sup>3</sup>/ngđ và nhà máy cấp nước số 2 Bảo Hà (đã quy hoạch) với công suất giai đoạn ngắn hạn 3.500 m<sup>3</sup>/ngđ; giai đoạn dài hạn 7.500 - 12.000 m<sup>3</sup>/ngđ cấp nước cho phân khu số 3.

+ Quy hoạch xây dựng nhà máy cấp nước số 3 tại khu vực suối Nhù có cao độ +95m cấp nước cho phân khu số 1 và phân khu số 2. Công suất trạm cấp nước trong giai đoạn ngắn hạn 1.000 m<sup>3</sup>/ngđ, giai đoạn dài hạn 3.000 m<sup>3</sup>/ngđ.

+ Quy hoạch xây dựng nhà máy cấp nước số 4 tại khu tái định cư cảng hàng không và cấp nước cho một phần phân khu số 1. Công suất trạm cấp nước 2.000 m<sup>3</sup>/ngđ.

- Mạng lưới đường ống cấp nước: Thiết kế theo mạng vòng kết hợp mạng nhánh có đường kính ống D110mm ÷ D300mm đảm bảo hiệu quả cấp nước liên tục và đầy đủ. Quy hoạch 1 trạm bơm tăng áp lên 1 bể điều áp có dung tích 1.000m<sup>3</sup> tại vị trí lô đất I-LN3 có cao độ +150m; trong các nhà máy cấp nước vẫn có sử dụng bơm tăng áp biến tần để điều tiết nước theo nhu cầu sử dụng.

- Mạng lưới cấp nước chữa cháy sử dụng áp lực thấp với áp lực tự do  $\geq 10$ m. Chọn số đám cháy xảy ra cùng một lúc là 2 đám, với lưu lượng mỗi đám cháy là 20 l/s, thời gian dập tắt các đám cháy là 3 giờ.

*d) Quy hoạch cấp điện:*

- Nguồn điện: Nguồn cấp cho khu vực quy hoạch lấy từ đường dây 35kV lộ 371E20.65. Cần nâng công suất đầu lộ. Điện lực Lào Cai có phương án cải tạo cụ thể.

- Trạm biến áp: Dự kiến cải tạo nâng công suất 03 trạm biến áp phân phối 35/0.4kV, tháo dỡ 06 trạm hiện trạng, xây dựng mới 70 trạm biến áp phân phối 35(22)/0.4kV đáp ứng nhu cầu sử dụng điện. Số lượng trạm biến áp, vị trí trạm có thể điều chỉnh cho phù hợp khi lập quy hoạch chi tiết xây dựng, triển khai thực hiện dự án.

- Lưới trung áp: Xây dựng mới các tuyến đường dây nổi 35kV cấp điện cho các trạm biến áp xây dựng mới tại các khu vực dân cư mật độ thấp, hạ ngầm tại các khu vực dân cư mật độ cao. Tháo dỡ các tuyến 35kV nổi qua khu vực dân cư tạo quỹ đất xây dựng công trình.

- Lưới hạ áp 0,4KV: Xây dựng mới các tuyến đường dây hạ thế 0,4kV sử dụng cáp vặn xoắn treo trên cột bê tông ly tâm tại khu vực dân cư mật độ thấp. Tại khu dân cư mật độ cao hạ ngầm đảm bảo mỹ quan chung đô thị.

- Chiếu sáng cộng cộng: Các tuyến đường có mặt cắt ngang lòng đường từ 10,5m trở lên chiếu sáng hai bên đường hoặc giữa dải phân cách, dùng đèn LED 120W. Các đường có mặt cắt lòng đường nhỏ hơn 10,5m bố trí chiếu sáng một



bên hè, dùng đèn LED 100W đến 120W. Khu vực nông thôn sử dụng các bộ đèn ngõ xóm bóng LED 30-60W tiết kiệm điện.

*e) Quy hoạch thông tin liên lạc:*

- Mạng thông tin di động: Phát triển theo hướng mở rộng vùng phủ sóng bằng các biện pháp lắp thêm các trạm BTS hoặc nâng cấp cấu hình các trạm, mặt khác chuyển đổi công nghệ theo định hướng 3G/4G, hướng đến cung cấp các dịch vụ đa phương tiện trên mạng di động.

- Công nghệ thông tin: Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại đô thị dọc sông Hồng nhằm hoàn thành việc xây dựng mạng diện rộng của tỉnh, phục vụ tốt các hoạt động kinh tế - xã hội - văn hoá của tỉnh cũng như của khu vực.

*f) Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường:*

f1. Thoát nước thải:

- Nhu cầu thu gom nước thải:

+ Tổng lượng nước thải sinh hoạt dự kiến giai đoạn ngắn hạn: 4.000 m<sup>3</sup>/ngđ.

+ Tổng lượng nước thải sinh hoạt dự kiến giai đoạn dài hạn 7.500m<sup>3</sup>/ngđ.

- Giải pháp thoát nước thải:

+ Xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng cho các phân khu 1, 2, 3.

+ Do địa hình dốc và phức tạp, để thu gom nước thải triệt để cần xây dựng 4 trạm xử lý nước thải:

Phân khu số 1: Xây dựng trạm xử lý số 1, giai đoạn ngắn hạn công suất 600m<sup>3</sup>/ngđ, giai đoạn dài hạn công suất trạm xử lý 1.000m<sup>3</sup>/ngđ.

Phân khu số 2: Xây dựng trạm xử lý số 2 và trạm xử lý số 4 (Trạm xử lý số 2 giai đoạn ngắn hạn công suất trạm xử lý là 600m<sup>3</sup>/ng, giai đoạn dài hạn công suất trạm xử lý là 1.200m<sup>3</sup>/ngđ. Trạm xử lý số 4 giai đoạn ngắn hạn công suất trạm xử lý là 1.000m<sup>3</sup>/ng, giai đoạn dài hạn công suất trạm xử lý là 2.000m<sup>3</sup>/ngđ).

Phân khu số 3: Xây dựng trạm xử lý số 3, giai đoạn ngắn hạn công suất 1.800m<sup>3</sup>/ng, giai đoạn dài hạn công suất trạm xử lý 3.300m<sup>3</sup>/ngđ.

+ Quy hoạch cống thoát nước tự chảy và các tuyến qua cầu, các tuyến cống chảy ngược  $\geq 3m$  thì sử dụng bơm thu gom nước thải về tuyến cống chính D450-D400 - D315 - D250 - D200mm dọc các tuyến đường, nước thải sinh hoạt được đưa về trạm xử lý nước thải sinh hoạt.

f2. Vệ sinh môi trường:

- Nhu cầu thu gom chất thải rắn:

+ Giai đoạn ngắn hạn: Lượng chất thải rắn thu gom khoảng 20 tấn/ng.đêm;

+ Giai đoạn dài hạn: Lượng chất thải rắn thu gom khoảng 37 tấn/ng.đêm.

- Xử lý chất thải rắn: Trong giai đoạn ngắn hạn CTR sau khi thu gom hàng ngày sẽ chuyển đến điểm trung chuyển rác thải và đưa chuyển khu xử lý tập trung nằm ngoài khu vực tại thị trấn Tăng Loóng, huyện Bảo Thắng và xã Yên Sơn, huyện Bảo Yên. Giai đoạn dài hạn vận chuyển rác sang khu xử lý rác thuộc đô thị



Bảo Hà (đã được quy hoạch). Chất thải rắn nguy hại sẽ được thu gom và xử lý riêng đảm bảo theo quy định.

*g) Nghĩa trang:*

- Quy hoạch khu nghĩa trang đảm bảo theo các chỉ tiêu TCVN 7956-2008 (nghĩa trang đô thị - tiêu chuẩn thiết kế). Tiêu chuẩn áp dụng đối với mộ hung táng không quá  $5\text{m}^2/\text{mộ}$  và mộ cát táng không quá  $3\text{m}^2/\text{mộ}$ . Khoanh vùng và mở rộng khu nghĩa trang khu dân cư tập trung hiện trạng trong khu vực. Các khu vực nghĩa trang nhân dân nhỏ lẻ nằm rải rác trong các khu chức năng khác cần có giải pháp di chuyển và đưa về các khu nghĩa trang tập trung.

- Trong khu vực lập quy hoạch không bố trí nghĩa trang mới, nghĩa trang tập trung được bố trí ngoài phạm vi ranh giới quy hoạch theo định hướng quy hoạch nghĩa trang tập trung của các đô thị, xã đã được xác định.

*h) Đánh giá tác động môi trường chiến lược:*

Trong đồ án định hướng thực hiện đánh giá tác động môi trường chiến lược ĐMC. Trong bước lập quy hoạch chi tiết và thực hiện dự án tiếp tục đánh giá tác động môi trường ĐTM theo quy định.

## **10. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch**

Quy định quản lý quy hoạch theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng dọc sông Hồng kết nối đô thị Phố Lu với đô thị Bảo Hà - Tân An gồm 3 chương, 11 điều (kèm theo Quy định quản lý theo Đồ án quy hoạch).

## **11. Các chương trình ưu tiên đầu tư và nguồn vốn thực hiện**

- Giai đoạn ngắn hạn: Tiếp tục hoàn thiện các khu chức năng trong phạm vi khu vực tạo động lực phát triển như: Khu cảng hàng không Sa Pa, khu phụ trợ cảng hàng không, khu tái định cư cảng hàng không, đầu tư xây dựng khung hạ tầng kỹ thuật chính của khu quy hoạch... làm cơ sở cho quản lý đầu tư xây dựng, kiểm soát phát triển và là các công cụ quảng bá hình ảnh và khuyến khích đầu tư cho các thành phần kinh tế, các nhà đầu tư trong xã hội.

- Giai đoạn dài hạn: Triển khai thực hiện các dự án đầu tư trong giai đoạn đến năm 2035: Phát triển các khu phụ trợ cảng hàng không, khu đô thị, dân cư, trung tâm vui chơi giải trí, dịch vụ thương mại, du lịch nghỉ dưỡng, xây dựng hoàn thiện các trục giao thông, cơ sở hạ tầng theo định hướng phát triển...

- Nguồn vốn thực hiện sử dụng từ các nguồn vốn chính: Ngân sách nhà nước (trung ương, địa phương), xã hội hóa và các nguồn vốn khác. Khuyến khích, tạo điều kiện thu hút nguồn vốn doanh nghiệp đầu tư xây dựng.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện.**

1. Giao Ủy ban nhân dân các huyện Bảo Thắng, Bảo Yên, Văn Bàn

- Tổ chức công bố công khai Quy hoạch chung xây dựng và Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch dọc sông Hồng kết nối đô thị Phố Lu với đô thị Bảo Hà - Tân An được duyệt;



- Tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt các Quy hoạch chi tiết xây dựng phù hợp với Quy hoạch chung xây dựng được duyệt;

- Trong quá trình triển khai thực hiện theo Quy hoạch chung xây dựng được duyệt, chủ động rà soát đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật và thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.


- Ủy ban nhân dân các huyện, các xã có liên quan chịu trách nhiệm quản lý các mốc giới quy hoạch nằm trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý.

2. Giao Sở Giao thông vận tải - Xây dựng, Sở Kế hoạch & Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên & Môi trường và các Sở, ngành liên quan

- Đề xuất các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khung theo Quy hoạch chung xây dựng dọc sông Hồng kết nối đô thị Phố Lu với đô thị Bảo Hà - Tân An được duyệt;

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện Bảo Thắng, Bảo Yên, Văn Bàn trong việc thực hiện cắm mốc giới, triển khai các nội dung của Quy hoạch chung xây dựng dọc sông Hồng kết nối đô thị Phố Lu với đô thị Bảo Hà - Tân An theo lĩnh vực ngành quản lý, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở Giao thông vận tải - Xây dựng, Kế hoạch & Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên & Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện: Bảo Thắng, Bảo Yên, Văn Bàn; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. 

**Nơi nhận:**

- TT. TƯ, UBND tỉnh;
- Điều 3/QĐ;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, QLĐT1.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Trịnh Xuân Trường**